**Mẫu số 15**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...**SỞ CÔNG THƯƠNG ....-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: …………. | *..., ngày ... tháng ... năm ...* |

**BÁO CÁO**

**CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NĂM....**

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm ... đến ngày 14 tháng 12 năm ...)*

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Bộ Công Thương;- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố... |

Thực hiện công tác quản lý nhà nước về xúc tiến thương mại trên địa bàn (tỉnh/thành phố ....), Sở Công Thương (tỉnh/thành phố...) báo cáo kết quả như sau:

1. Về quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến mại: (Theo Phụ lục 1 đính kèm)

2. Về quản lý nhà nước đối với hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại: (Theo Phụ lục 2 đính kèm)

3. Về công tác cải cách thủ tục hành chính:

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính (nêu cụ thể về nội dung, cách thức thực hiện đơn giản hóa):

- Hiện đại hóa hành chính (ứng dụng công nghệ, kỹ thuật; mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với từng thủ tục hành chính do Sở Công Thương thực hiện, tỷ lệ hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến...):

4. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật (nêu cụ thể các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật như: đào tạo, tập huấn, đăng tin trên website,...; số lượng, tần suất thực hiện).

5. Đánh giá chung về công tác quản lý nhà nước về xúc tiến thương mại:

- Ưu điểm:

- Tồn tại/hạn chế/khó khăn:

6. Đề xuất, kiến nghị:

- Về thủ tục hành chính:

- Về văn bản quy phạm pháp luật:

- Về tổ chức/bộ máy:

- Kiến nghị khác:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Cục Xúc tiến thương mại;- Lưu:.. | **(LÃNH ĐẠO SỞ)***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

***Yêu cầu:***

- Phông chữ: UNICODE, Times New Roman, Size: 13 hoặc 14;

- Thời gian tổng hợp số liệu từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

- Bản mềm gửi về địa chỉ xttm@vietrade.gov.vn.

**Phụ lục 1**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHUYẾN MẠI TRONG NĂM ...**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung báo cáo** | **Số liệu** |
| 1 | Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính (TTHC) về khuyến mại |  |
| 1.1 | Số lượt hồ sơ TTHC thông báo hoạt động khuyến mại đã tiếp nhận và giải quyết |  |
| 1.2 | Số lượt hồ sơ TTHC đăng ký hoạt động khuyến mại đã tiếp nhận và giải quyết |  |
| 2 | Tổng số chương trình khuyến mại (đã được xác nhận) có giải thưởng không có người trúng thưởng (tồn đọng giải thưởng) |  |
|  | Tổng số tiền thu nộp ngân sách nhà nước đối với giải thưởng không có người trúng thưởng |  |
| 3 | Công tác theo dõi, giám sát một số hoạt động khuyến mại của Sở Công Thương |  |
| 3.1 | Tổng số chương trình khuyến mại (CTKM) mà Sở Công Thương đã tổ chức theo dõi, giám sát việc phát hành kèm bằng chứng xác định trúng thưởng vào hàng hóa |  |
| 3.2 | Tổng số CTKM mà Sở Công Thương đã tổ chức theo dõi, giám sát việc tổ chức thi/mở thưởng/xác định trúng thưởng |  |
| 4 | Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực thi pháp luật trong hoạt động khuyến mại của Sở Công Thương |  |
| 4.1 | Tổng số CTKM đã tổ chức thanh tra theo kế hoạch |  |
| Tổng số CTKM đã tổ chức thanh tra đột xuất |  |
| 4.2 | Tổng số CTKM đã tổ chức kiểm tra theo kế hoạch |  |
| Tổng số CTKM đã tổ chức kiểm tra đột xuất |  |
| 5 | Tổng số trường hợp, sự vụ vi phạm quy định của pháp luật về khuyến mại đã bị xử phạt vi phạm hành chính |  |
|  | Số trường hợp áp dụng hình thức phạt tiền |  |
|  | Số trường hợp áp dụng các hình thức phạt bổ sung |  |
|  | Số trường hợp áp dụng các hình thức phạt khắc phục hậu quả |  |
|  | Tổng số tiền thu được từ xử phạt vi phạm hành chính |  |
| 6 | Tổng số trường hợp, sự vụ khiếu nại/tố cáo/phản ánh, kiến nghị về hoạt động khuyến mại đã được Sở tiếp nhận/giải quyết |  |

**Phụ lục 2**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI NĂM ...**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** |
| 1 | Tổng số lượt hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại (HCTLTM) đã tiếp nhận và giải quyết trong năm … |  |
| 2 | Tổng số HCTLTM có thời gian tổ chức trong năm ... đã được xác nhận đăng ký |  |
|  | Số HCTLTM đã được tổ chức |  |
|  | Số HCTLTM đã đăng ký nhưng không tổ chức (lý do không tổ chức) |  |
| 3 | Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực thi pháp luật trong hoạt động HCTLTM của Sở Công Thương |  |
| 3.1 | Tổng số HCTLTM đã tổ chức thanh tra theo kế hoạch |  |
| Tổng số HCTLTM đã tổ chức thanh tra đột xuất |  |
| 3.2 | Tổng số HCTLTM đã tổ chức kiểm tra theo kế hoạch |  |
| Tổng số HCTLTM đã tổ chức kiểm tra đột xuất |  |
| 4 | Số trường hợp, sự vụ vi phạm quy định của pháp luật về HCTLTM đã bị xử phạt vi phạm hành chính |  |
|  | Số trường hợp áp dụng hình thức phạt tiền |  |
|  | Số trường hợp áp dụng hình thức phạt bổ sung |  |
|  | Số trường hợp áp dụng hình thức phạt khắc phục hậu quả |  |
|  | Tổng số tiền phạt thu được từ xử phạt vi phạm |  |
| 5 | Tính chất HCTLTM đã thực hiện trong năm ... |  |
|  | Số HCTLTM tổng hợp |  |
|  | Số HCTLTM chuyên ngành |  |